

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở CAMPUCHIA

Serey Mardy^{1*}, Nguyễn Phúc Thọ², Chu Thị Kim Loan²

¹*Svay Rieng University, Cambodia*, ²*Hanoi University of Agriculture, Vietnam*

Email: mardyserey@yahoo.com.sg*

Ngày gửi bài: 18.03.2012

Ngày chấp nhận: 26.06.2013

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về phát triển nông nghiệp bền vững. Sau khi phân tích khái niệm, mục tiêu và nội dung của phát triển nông nghiệp bền vững, bài viết thảo luận về phương pháp đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững. Đồng thời, nghiên cứu cũng nêu ra các bài học kinh nghiệm từ một số nước trong khu vực ASEAN cho phát triển nông nghiệp ở Campuchia, bao gồm: Hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ; hoàn thiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết cho từng địa phương; nâng cao chất lượng lao động nông thôn; đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn; nâng cao ý thức của người nông dân trong việc bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Bài học kinh nghiệm, phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững,

Some Fundamentals of Theories and Practices on Sustainable Development in Agriculture and Lessons for Agricultural Development in Cambodia

ABSTRACT

This paper codifies theoretical and practical issues on sustainable development in agriculture. After discussing concepts, objectives and contents of sustainable agricultural development, the paper mentions to methodology for evaluation of sustainable agriculture. The paper also draws lessons learned from some of ASEAN countries for Cambodian agricultural development such as: improving the socio-economic development policies, improving the master plan and the detail plan for each region, enhancing the quality of rural labor forces, investing in the rural infrastructure, and raising the farmers' awareness in environmental protection.

Keywords: Agricultural development, sustainable development in agriculture, lessons.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp là một ngành sản xuất đặc biệt, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia bởi nó là ngành sản xuất khởi đầu của quá trình sản xuất vật chất của xã hội loài người. Ngày nay, nhờ có sự phát triển của khoa học công nghệ, nông nghiệp đã ngày càng trở nên hiện đại, tiên tiến hơn. Campuchia là một nước chậm phát triển, nền sản xuất nông nghiệp vẫn theo quy mô nhỏ lẻ và manh mún, chưa ứng dụng triệt để lợi thế của khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nên hiệu quả kinh tế thấp, không

còn phù hợp với nền kinh tế thị trường trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Sự phát triển nền nông nghiệp Campuchia thời gian qua chưa bảo đảm cho tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ nông hộ nghèo đói và nguy cơ tái nghèo đói còn khá cao; các nguồn tài nguyên thiên nhiên chưa được quản lý tốt dẫn tới mất cân bằng hệ sinh thái, bão lụt, hạn hán, dịch bệnh xảy ra thường xuyên hơn. Vì vậy, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững để đạt giá trị lớn hơn về kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội và hạn chế ô nhiễm môi trường là một vấn đề cấp thiết đối với quốc gia. Câu hỏi được đặt ra là làm thế nào để nền nông nghiệp

Campuchia phát triển một cách bền vững? Để giải quyết được vấn đề nêu trên, cần phải nghiên cứu sâu hơn về lý luận và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn của các quốc gia trong khu vực ASEAN - các nước đã phát triển thành công nền nông nghiệp theo hướng bền vững.

Mục tiêu cơ bản của bài viết này là hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững, rút ra các bài học kinh nghiệm cho sự phát triển nông nghiệp của Campuchia.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu thập thông tin: Do đây là nghiên cứu tổng quan nên kết quả nghiên cứu chủ yếu dựa trên các thông tin đã công bố, được thu thập từ những tài liệu đã công bố như tạp chí, sách thống kê, báo chuyên ngành và mạng internet.

Phân tích thông tin: Thống kê mô tả là phương pháp phân tích chủ yếu được sử dụng trong bài viết này nhằm phản ánh những đặc tính của đối tượng nghiên cứu thông qua việc diễn giải các khái niệm và mô tả thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia, từ đó đưa ra các bài học kinh nghiệm cho phát triển nông nghiệp ở Campuchia.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái niệm về phát triển nông nghiệp bền vững

Phát triển được hiểu là một quá trình lớn lên, tăng tiến mọi lĩnh vực. Bất cứ trong lĩnh vực nào, sự phát triển đều thỏa mãn các thành tố như: sự tăng lên về cả chất và lượng; sự thay đổi về cơ cấu, thể chế, chủng loại, tổ chức; sự thay đổi về thị trường; và giữ công bằng xã hội, an ninh, trật tự (Fajardo, 1999). Phát triển nông nghiệp cũng không nằm ngoài nội dung đó.

Hiện nay, có nhiều tác giả đưa ra khái niệm về phát triển nông nghiệp bền vững (PTNNBV) ở những góc độ khác nhau. Theo FAO (1992), phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình quản lý và duy trì sự thay đổi về tổ chức, kỹ thuật và thể chế cho nông nghiệp phát triển

nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người về nông phẩm và dịch vụ vừa đáp ứng nhu cầu của mai sau. Theo Đỗ Kim Chung và cộng sự (2009), PTNNBV là quá trình đảm bảo hài hòa ba nhóm mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, thỏa mãn nhu cầu về nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của tương lai. Tác giả Phạm Doãn (2005) cho rằng PTNNBV là quá trình đa chiều, bao gồm: (1) tính bền vững của chuỗi lương thực (từ người sản xuất đến tiêu thụ, liên quan trực tiếp đến cung cấp đầu vào, chế biến và thị trường); (2) tính bền vững trong sử dụng tài nguyên đất và nước về không gian và thời gian; (3) khả năng tương tác thương mại trong tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn để đảm bảo cuộc sống đủ, an ninh lương thực trong vùng và giữa các vùng.

Từ những quan niệm trên, PTNNBV đối với Campuchia có thể được hiểu rằng: Nền nông nghiệp phát triển bền vững phải bảo đảm được mục đích là kiến tạo một hệ thống bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Về kinh tế, sản xuất nông nghiệp phải đạt hiệu quả cao, làm ra nhiều sản phẩm, không những đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi, dự trữ lương thực mà còn xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Về xã hội, một nền nông nghiệp bền vững phải đảm bảo cho người nông dân có đầy đủ công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao. PTNNBV về khía cạnh môi trường là không hủy hoại nguồn tài nguyên thiên nhiên, giữ nguồn nước ngầm trong sạch và không gây ô nhiễm môi trường.

3.2. Mục tiêu của phát triển nông nghiệp bền vững

Theo xu hướng chung trên thế giới, các chủ trương và biện pháp nhằm PTNNBV cần phải đồng thời hướng đến ba mục tiêu chính: (1) Phát triển bền vững về kinh tế; (2) Phát triển bền vững về mặt xã hội và (3) Phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường. Những công nghệ, kỹ thuật canh tác có tiềm năng lớn cho PTNNBV là trồng xen, luân canh cây trồng, nông lâm kết hợp, sử

dụng phân hữu cơ, kiểm soát dịch bệnh bằng công nghệ sinh học và quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) (Conway và Barrier, 1990).

3.3. Nội dung phát triển nông nghiệp bền vững

3.3.1. Phát triển nông nghiệp theo các loại hình tổ chức kinh tế

Hai loại hình tổ chức chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp là hộ nông dân và cộng đồng phát triển nông nghiệp. Do vậy, nghiên cứu PTNNBV cần phân tích tiềm năng, thực trạng phát triển cũng như các yếu tố tác động đến hai chủ thể này ở địa bàn nghiên cứu, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp cho từng loại hình tổ chức PTNNBV.

3.3.2. Phát triển nông nghiệp theo ngành

Phát triển nông nghiệp theo ngành là một quá trình lồng ghép dần từng bước tất cả các nguồn lực (nhân lực và vật lực) trong một ngành, làm cho sự phát triển hiện hành phù hợp với chính sách và khuôn khổ chỉ tiêu của ngành đó. Đối với nông nghiệp, ba ngành cần phải tiếp cận là trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

3.3.3. Phát triển nông nghiệp theo vùng

Phát triển nông nghiệp theo vùng là phát triển nông nghiệp theo từng đặc điểm, tiềm năng của vùng như vùng đồng bằng, vùng trung du và miền núi... Mỗi vùng có những đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, thời tiết khí hậu, cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn... Vì thế, năng suất và hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp ở từng vùng sẽ khác nhau.

3.3.4. Phát triển nông nghiệp bao hàm phát triển kinh tế, xã hội và môi trường

Phát triển nông nghiệp phải đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội và môi trường một cách bền vững. Về kinh tế, phát triển nông nghiệp cần tính đến hiệu quả sản xuất, tốc độ tăng trưởng của hiệu quả sản xuất và lợi nhuận. Về mặt xã hội, phát triển nông nghiệp cần quan tâm tới số lượng lao động được huy động và hiệu quả sử dụng lao động (thu nhập bình quân đầu người, tình trạng di cư,

nhập cư), hệ thống thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng như khả năng cung ứng vật tư nông nghiệp. Ngoài ra, các hoạt động văn hóa, xã hội của cộng đồng và thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước cũng là những chỉ tiêu xã hội của PTNNBV (Trần Danh Thìn và Nguyễn Huy Trí, 2008). Về môi trường, tính bền vững của đất và sinh vật cần được lưu tâm. Một hệ thống nông nghiệp không thể được coi là bền vững nếu đất đai bị suy thoái, sinh vật bị suy giảm trong quá trình sản xuất.

3.4. Phương pháp đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững

Theo ý kiến của nhiều học giả, nghiên cứu về PTNNBV cần sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu và chỉ tiêu đánh giá tính bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái.

3.4.1. Sự phối hợp các phương pháp nghiên cứu về PTNNBV

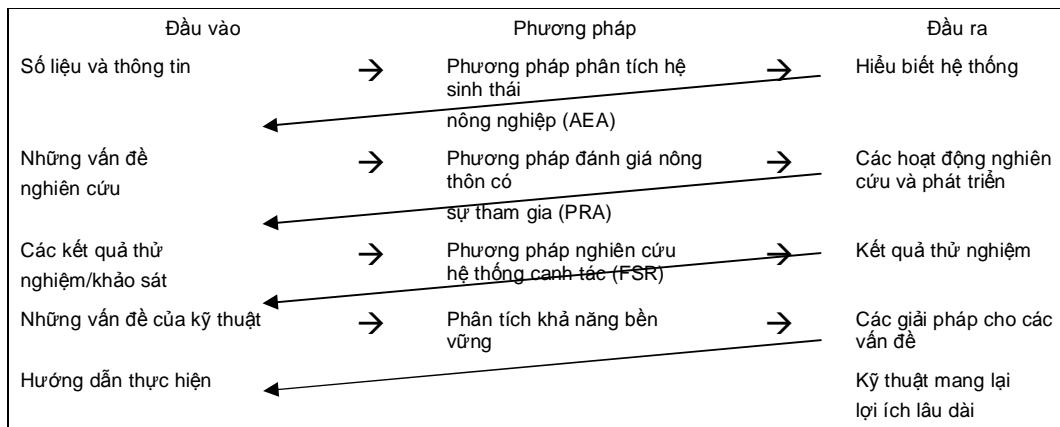
Theo NERAD (1990), sự lồng ghép giữa các phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội với nhau sẽ mang lại kết quả cao trong nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững. Điều này được thể hiện trong hình 1.

3.4.2. Các chỉ tiêu đánh giá tính bền vững

Khi bàn về chỉ tiêu đánh giá PTNNBV, các tác giả đều có quan điểm chung là sử dụng đồng thời các chỉ tiêu thể hiện tính bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.

Về chỉ tiêu kinh tế, Markus và Werner (2008) cho rằng tính bền vững về kinh tế của PTNNBV bao hàm khả năng sinh lợi, tính thanh khoản, sự ổn định và giá trị gia tăng. Các chỉ tiêu cụ thể được sử dụng trong nghiên cứu của họ tại Đức là thu nhập, tỷ lệ lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư hay trên vốn chủ sở hữu, luồng tiền mặt, sự thay đổi của vốn chủ sở hữu và giá trị tăng thêm. Trong nghiên cứu về PTNNBV ở Quảng Nam, Nguyễn Thị Mai (2011) đã sử dụng các chỉ tiêu như tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ GDP nông nghiệp/GDP, thu nhập bình quân đầu người và tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người, diện tích đất nông nghiệp bình quân

Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững và những bài học cho phát triển nông nghiệp ở Campuchia



Nguồn: NERAD (1990) trích từ Trần Danh Thìn và Nguyễn Huy Trí (2008)

Hình 1. Sự phối hợp các phương pháp để nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững

đầu người, tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa trên tổng diện tích canh tác. Granz và cộng sự (2009) đề cập tới 3 nhóm chỉ tiêu kinh tế. Đó là tính ổn định về kinh tế (mức nợ trên vốn chủ sở hữu, tiền lãi phải trả, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, điều kiện trang thiết bị máy móc, nhà cửa, vườn cây lâu năm), hiệu quả kinh tế (tổng thu nhập, năng suất, tỷ suất sinh lời của tài sản và vốn), và kinh tế địa phương (tỷ lệ lao động hay tiền lương của địa phương trong tổng lao động/tiền lương của vùng, mức thu nhập thấp nhất của nông trại so với mức lương của vùng).

Về chỉ tiêu xã hội, theo Markus và Werner (2008), tiêu chí bền vững xã hội bao hàm các lĩnh vực liên quan đến đầu vào lao động, cấu trúc nông trại, các chỉ tiêu về việc làm (mức cung địa điểm làm việc, phân bố về độ tuổi làm việc, tỷ lệ nữ giới tham gia lao động, đào tạo), và mức độ tham gia các hoạt động xã hội (chẳng hạn, tỷ lệ lao động là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh). Tương tự, Granz và cộng sự (2009) cho rằng các chỉ tiêu xã hội cần xem xét là điều kiện làm việc (phương tiện vệ sinh và nhà ở, số giờ làm việc, khoảng cách về thu nhập, cơ hội đào tạo phát triển, phân biệt giới tính) và an ninh xã hội (mức lương có khả năng chi trả tiền năng, luật pháp và thủ tục về việc làm). Ở Việt Nam, Nguyễn Thị Mai (2011) sử dụng các chỉ tiêu như tỷ lệ dân số nông thôn trên tổng dân số, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ lao động thiếu việc làm,

tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch và dùng điện, tỷ lệ hộ có điện thoại.

Với chỉ tiêu môi trường sinh thái, Nguyễn Thị Mai (2011) cho rằng các chỉ tiêu cần tính toán là tỷ lệ diện tích được tưới tiêu trên tổng diện tích canh tác, mức phân bón trên 1 ha đất canh tác, thuốc sâu nhập khẩu trên 1 ha đất canh tác, tỷ lệ che phủ rừng. Trong khi đó, Markus và Werner (2008) đề cập tới nhiều khía cạnh của môi trường. Đó là tính cân bằng về khoáng chất (các chỉ tiêu có thể sử dụng như mức cân bằng đạm, lân, kali; hàm lượng lân, kali và vôi trong đất; cân bằng về mùn), sử dụng thuốc trừ sâu bệnh (tần suất sử dụng thuốc trừ sâu bệnh, mức giảm rủi ro do sử dụng thuốc), bảo vệ đất (tiềm năng xói mòn đất, nguy hại của chai cứng đất), đa dạng sinh học (qui mô thửa ruộng, tỷ lệ diện tích các khu vực sinh thái có giá trị lớn và sự đa dạng của cây trồng) và cân bằng năng lượng (mức sử dụng năng lượng trong sản xuất nông nghiệp). Cùng quan điểm với Markus và Werner (2008), Grenz và cộng sự (2009) đưa ra các chỉ tiêu liên quan tới nước, đất, năng lượng, đa dạng sinh học, tiềm năng thoát đạm và lân, bảo vệ cây trồng và chất thải.

Qua các thảo luận trên ta thấy rằng: tùy thuộc vào từng vùng, từng quốc gia và điều kiện nghiên cứu, các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá PTNNBV có thể khác nhau. Tuy nhiên, các tác giả đều sử dụng tổng hợp các chỉ tiêu thể

hiện tính bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Đây là định hướng phân tích mà nghiên cứu PTNNBV ở Campuchia cần quan tâm.

3.5. Thực tiễn nghiên cứu về phát triển nông nghiệp bền vững

Một số nước trong khu vực ASEAN được lựa chọn để nghiên cứu cơ sở thực tiễn, bởi vì các nước này có những đặc điểm khá giống nhau về địa hình, khí hậu và tập quán canh tác. Đồng thời, mức độ phát triển kinh tế của chúng cũng tương đối giống nhau nên có thể cho Campuchia những kinh nghiệm để phát triển nông nghiệp bền vững trong hiện tại và tương lai.

3.5.1. Thực tiễn PTNNBV ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia tiếp giáp với Campuchia, đã có những thành công nhất định trong phát triển nông nghiệp bền vững. Nền nông nghiệp Việt Nam được phát triển dựa trên cơ sở quy hoạch cụ thể cho từng vùng theo hướng mở nhằm khai thác triệt để những lợi thế so sánh và khắc phục những hạn chế của vùng. Thực hiện đầu tư công, chính sách tài chính ưu đãi và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp phát triển một cách bền vững (Đỗ Kim Chung, 2009; Hoàng Thị Chinh, 2010). Hơn nữa, để khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và phát triển công nghiệp chế biến, Việt Nam đã thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, áp dụng tiến bộ công nghệ kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và thực hiện liên kết mô hình “4 nhà” (Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông). Về mặt xã hội, nông dân Việt Nam được khuyến khích tham gia vào các tổ, hội và hợp tác xã để cùng hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong quá trình sản xuất. Nhận thức của người nông dân về kỹ thuật sản xuất, kiến thức thị trường được nâng cao thông qua các chương trình đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật do trung tâm khuyến nông và các hội, đoàn thể khác tổ chức. Chính sách duy trì và phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp của Việt Nam nhằm tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho nông

dân cũng góp phần giúp nông nghiệp phát triển bền vững, hạn chế tình trạng di cư đến vùng đô thị. Về môi trường, nông dân Việt Nam được trang bị kiến thức về những tác hại của ô nhiễm môi trường, cách bảo vệ môi trường và vận động họ thay đổi những tập quán, thói quen gây ô nhiễm môi trường (Phạm Văn Án, 2010; Hoàng Thị Chinh, 2010; Phạm Văn Lái, 2011). Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) được giới thiệu tới người dân bằng nhiều con đường: khuyến nông, thi tìm hiểu về IPM, hội diễn văn nghệ về chủ đề IPM... Điều này đã giúp họ tiếp cận được với phương pháp canh tác mới ít tổn hại tới môi trường. Trong chăn nuôi, các nông hộ có qui mô đàn tương đối lớn được khuyến khích, hỗ trợ lắp đặt biogas nhằm giảm chất thải ra môi trường và bổ sung thêm nguồn khí đốt, hạn chế chặt phá cây xanh làm củi đốt.

Thực tiễn nêu trên là những bài học quý báu cho Campuchia nghiên cứu và học tập để phát triển nền nông nghiệp của mình một cách bền vững.

3.5.2. Thực tiễn PTNNBV ở Thái Lan

Thái Lan là một nước nông nghiệp. Nông nghiệp Thái Lan trong hàng thập kỷ qua đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế. Không những nó góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người dân mà còn bảo vệ môi trường sinh thái hiệu quả. Cũng như Việt Nam, Thái Lan đã và đang triển khai, thực hiện tốt về chiến lược quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững nông nghiệp. Đồng thời, Thái Lan cũng áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và thu được kết quả khả quan như: năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, giải quyết được việc làm và tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường hiệu quả (Viboon Thepent và Anucit Chamsing, 2009). Tác giả Sachika Hirokawa (2010) đề cập đến sự thành công của nông nghiệp Thái Lan - đó là phát triển bền vững về khía cạnh môi trường. Nông dân đã đề ra phương án sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Nghĩa là cây trồng được chăm sóc bằng

phân bón hữu cơ là chủ yếu, giảm phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật. Nông dân ở các vùng đã thành lập nhóm sản xuất phân hữu cơ nhằm tạo ra sản phẩm phân bón chất lượng cao, có hiệu quả kinh tế, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập và bảo vệ môi trường. Đây là những bài học kinh nghiệm cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Campuchia trong tương lai.

3.5.3. Thực tiễn PTNNBV ở Indonesia

Indonesia có truyền thống phát triển nông nghiệp theo mô hình trang trại với tên gọi “aqua-terra” (Phạm Văn Khôi, 2004). Trong mô hình này, cây trồng vật nuôi được phát triển theo công nghệ sản xuất kết hợp giữa phương pháp tăng vụ truyền thống và phương pháp thâm canh theo chiều sâu. Tác giả Masdjidin Siregar và Muhammad Suryadi (2006) cũng khẳng định về mô hình “aqua-terra” - đó là phát triển sản xuất gắn với tăng cường hệ thống chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản; đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và cơ cấu kinh tế nông thôn; chú trọng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Để thực hiện được mô hình này, Indonesia đã tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn như hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống thông tin và các dịch vụ xã hội khác để tăng cường đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn. Bên cạnh việc thực hiện tốt về mặt kinh tế và xã hội, Indonesia cũng đã quan tâm đến biện pháp chống suy thoái đất có hiệu quả và bền vững tài nguyên sinh vật trên cơ sở áp dụng các mô hình canh tác hợp lý trên từng loại địa hình.

Thực tế cho thấy, sự phát triển nông nghiệp bền vững của Indonesia đã giúp nước này đạt được sản lượng lúa 10 triệu tấn/năm. Để đạt được thành tựu kể trên, chính phủ Indonesia đã thực hiện trợ cấp chuyển giao công nghệ kỹ thuật phù hợp, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất, tăng vốn đầu tư và nâng cao kiến thức chuyên môn và thông tin thị trường cho người nông dân. Trong đó, việc sử dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp vừa đạt được

năng suất cao vừa hạn chế tình trạng thất thoát lãng phí, làm giảm nguy cơ ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước (Ministry of Agriculture, 2012).

3.5.4. Các chủ trương và chiến lược PTNNBV ở Campuchia hiện nay

Để hướng phát triển nông nghiệp một cách bền vững, Chính phủ và các Bộ/Ngành đã đưa ra và thực hiện các chủ trương, chính sách như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng cường sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực thực phẩm, đa dạng hóa nông nghiệp.... Cụ thể như sau:

a. Chiến lược Tứ giác (nhiệm kỳ 2008-2013)

Chiến lược Tứ giác đã được Chính phủ hoàng gia Campuchia phê duyệt đầu nhiệm kỳ 2008-2013 với nội dung chính liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn. Chính phủ nêu lên mục tiêu chủ yếu trong giai đoạn này là nâng cao năng suất, đa dạng hoá nông nghiệp và cải cách ruộng đất, ngư nghiệp và lâm nghiệp, bằng cách giải quyết tổng thể các vấn đề kỹ thuật nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nông thôn như đường xá, hệ thống thủy lợi, điện năng, tiền vốn, thị trường và công nghệ chế biến. Việc này đòi hỏi phải có cơ chế và sự phối hợp, hợp tác hiệu quả của các ban/ngành để phát triển nông nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu (Royal Government of Cambodia, 2008).

b. Quy hoạch phát triển nông nghiệp (nhiệm kỳ 2009-2013)

Quy hoạch phát triển nông nghiệp đã được Bộ Nông Lâm và Ngư nghiệp Campuchia phê duyệt thực hiện trong nhiệm kỳ 2009-2013 với mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực cho người dân, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức đóng góp của nông nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cùng với việc đảm bảo quản lý và bảo tồn thiên nhiên bền vững (MAFF, 2009).

c. Chiến lược về lĩnh vực nông nghiệp và tài nguyên nước

Chiến lược về nông nghiệp và tài nguyên nước đã được Chính phủ Hoàng gia Campuchia phê duyệt đầu nhiệm kỳ 2008-2013 trên cơ sở Chiến lược Tứ giác, đề ra 5 chương trình ưu đãi như: (1) Chương trình hỗ trợ tăng cường khả năng quản lý nông nghiệp và tài nguyên nước; (2) Chương trình

hỗ trợ an ninh lương thực thực phẩm; (3) Chương trình hỗ trợ nông nghiệp và kinh doanh nông nghiệp; (4) Chương trình quản lý tài nguyên nước, tưới tiêu và đất đai; (5) Chương trình nghiên cứu, đào tạo và khuyến nông.

Tổng quan các chiến lược chủ yếu ở trên cho thấy các cấp, các ngành từ Chính phủ đến địa phương đã có sự quan tâm, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chiến lược cho phát triển nông nghiệp một cách bền vững và bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, một số chiến lược và chính sách mới chỉ mang tính định hướng chung, chưa thực sự gắn kết, chưa cụ thể hóa, chưa thực sự phù hợp... cần thiết phải bổ sung, hoàn thiện (MAFF, 2008).

4. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CAMPUCHIA

Qua cơ sở lý luận và thực tiễn thảo luận trên ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho phát triển nông nghiệp Campuchia như sau:

4.1. Hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ

Để phát triển nông nghiệp hiệu quả và bền vững thì chủ trương, chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước là hết sức quan trọng. Các chính sách của Chính phủ liên quan đến phát triển nông nghiệp chủ yếu là chính sách phát triển kinh tế-xã hội cấp Bộ và cấp địa phương như chính sách đất đai, chính sách tín dụng, v.v. Các chính sách này là công cụ đắc lực để Chính phủ can thiệp có hiệu quả vào sản xuất nông nghiệp cả nước.

4.2. Hoàn thiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết cho từng địa phương

Khác với các nước trong ASEAN - quy hoạch được cụ thể hóa trên từng tọa độ, còn ở Campuchia làm quy hoạch chỉ có định hướng mà không vẽ được trên tọa độ. Do vậy, trong thời gian tới, công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp Campuchia cần phải được chú trọng; quy hoạch phải đồng bộ, có tầm nhìn xa, gắn sản xuất với thị trường; tránh tình trạng trồng cây rồi lại chặt, xây rồi lại phá dỡ, v.v..

4.3. Nâng cao chất lượng lao động nông thôn

Lao động sản xuất nông nghiệp không chỉ đòi hỏi phải có sức khỏe, sự cần mẫn, khéo léo, kinh nghiệm mà cần phải có kiến thức nhất định để tiếp thu học hỏi và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất một cách tốt nhất. Do vậy, Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, bổ túc kiến thức cho lao động nông thôn. Ngoài kiến thức về kỹ thuật sản xuất, kiến thức về thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng nên được chú trọng do thị trường là yếu tố hướng dẫn và điều tiết các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Người nông dân cần biết tình hình thị trường thực tế để đưa ra các quyết định sản xuất của mình. Quyết định một cách đúng đắn sẽ góp phần giúp cho sản xuất nông nghiệp được ổn định, bền vững.

4.4. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn

Chính phủ cần có chính sách thỏa đáng cho việc phát triển cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, chợ, trạm ở nông thôn trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm. Điều này không có nghĩa là người nông dân lại phải tiếp tục gồng mình đóng góp vì họ đã phải đóng góp quá nhiều mà là trách nhiệm đóng góp của các ngành khác cho nông nghiệp.

4.5. Nâng cao ý thức của người nông dân trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên chống ô nhiễm môi trường

Để bảo vệ môi trường ở nông thôn, hơn ai hết người nông dân là người có trách nhiệm cao nhất. Nếu không, chẳng những họ tự hủy hoại môi trường sống hiện tại mà còn ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ mai sau. Muốn vậy, trước hết người nông dân phải được trang bị kiến thức về môi trường, những tác hại của ô nhiễm môi trường và cách bảo vệ môi trường thông qua các chương trình khuyến nông, đào tạo nghề, v.v.

5. KẾT LUẬN

Phát triển nông nghiệp bền vững là mục tiêu mà nhiều quốc gia hướng tới. Với Campuchia, lĩnh vực nông nghiệp cần được đầu tư phát triển bền vững sao cho đảm bảo được

mục đích là kiến tạo một hệ thống bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường để nó có thể phát triển tương xứng như các ngành kinh tế mũi nhọn khác.

Mục tiêu của PTNNBV là phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Do đó, để đánh giá PTNNBV, các nghiên cứu thường sử dụng đồng thời các chỉ tiêu thể hiện tính bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về PTNNBV của các quốc gia trong khu vực ASEAN, những bài học kinh nghiệm được rút ra cho phát triển nông nghiệp ở Campuchia theo hướng bền vững là: (1) Hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ; (2) Hoàn thiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết cho từng địa phương; (3) Nâng cao chất lượng lao động nông thôn, (4) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn; (5) Nâng cao ý thức của người nông dân trong việc bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bosshaq M.R., Afzalnia F., Moradi H. (2012). Measuring indicators and determining factor affecting sustainable agricultural development in rural areas - A case study of Ravansar, Iran. *International Journal of AgriScience*, 2(6): 550-557
- Chanthavong Seneamatmountry (2008). Assessment of the current state of agriculture, forestry and fisheries, Committee for Cooperation and Investment, Ministry of Agriculture and Forestry, Vientiane.
- Chhay Kongkea (2006). Agricultural Development Strategy in Cambodia. PhD dissertation: Chonnam National University, South Korea.
- Conway R. G and Barrier E. B. (1990). *After the Green Revalusion: Sustainable Agriculture for Development*. London, Earthscan.
- Đỗ Kim Chung và cộng sự (2009). *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế Nông nghiệp*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Hoàng Thị Chinh (2010). *Đề nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững*. Tạp chí Phát triển Kinh tế, 236: 11-19.
- Nguyễn Thị Mai (2011). *Phát triển nông nghiệp bền vững ở huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế. Đại học Đà Nẵng.
- Phạm Doãn (2005) *Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giải pháp xóa đói nghèo và bảo vệ môi trường*.
<http://www.ttvnl.com/ttx/571456.ttvn>.
- Phạm Văn Ân (2010). *Lâm Đồng ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp bền vững*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 11: 39-40.
- Phạm Văn Lái (2011). *Ngành nông nghiệp phấn đấu theo hướng toàn diện và bền vững*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 22: 49-50.
- Trần Danh Thìn và Nguyễn Huy Trí (2008). *Hệ thống trong phát triển nông nghiệp bền vững*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Fajardo, F. (1999). *Agricultural Economics*. Fourth Edition: REX Book store, Manila, Philippines.
- FAO. (1992). *World Food Dry*. Food and Agriculture Organization, Rome, Italy.
- Granz J, Thalmann C., Stampfli A., Studer C. and Hani F. (2009). *RISE- a method for assessing the sustainability of agricultural production at farm level*. Rural Development News.
- Markus Ehrmann and Werner Kleinhans (2008). *Review of concepts for the evaluation of sustainable agriculture in Germany and comparion of measurement schemes for farm sustainability*, Institute of Farm Economics, Braunschweig.
- MAFF (2008). *Chiến lược về lĩnh vực nông nghiệp và tài nguyên nước*. Bộ Nông Lâm và Ngư nghiệp Campuchia (Tài liệu dịch từ tiếng Campuchia).
- MAFF (2009). *Quy hoạch phát triển nông nghiệp nhiệm kỳ 2009-2013*. Bộ Nông Lâm và Ngư nghiệp Campuchia. (Tài liệu dịch từ tiếng Campuchia).
- MAFF (2010). *Báo cáo tổng kết phát triển nông nghiệp năm 2009-2010 và định hướng năm 2010-2011*. Bộ Nông Lâm và Ngư nghiệp Campuchia. (Tài liệu dịch từ tiếng Campuchia).
- Ministry of Agriculture (2012). *Country report Indonesia agricultural machinery testing development*, Ministry of Agriculture, Indonesia.
- Piyawan Suksri et al. (2008). *Sustainable Agriculture in Thailand-An Evaluation on the Sustainability in Ethanol Production*, Digital Asia Discussion Series. Academic Frontier Project: Graduate school of Business and Commerce, Keio University, Japan.
- Sachika Hirokawa (2010). *Promoting Sustainable Agriculture Development and Farmer Empowerment in Northeast Thailand*. Forth Asian Rural Sociology Association International conference.
- Viboon Thepent and Anucit Chamsing (2009). *Agricultural Mechanization Development in Thailand*. Country report submitted to the Fifth Session of the Technical Committee of APCAEM, Los Banos, Philippines.
- Royal Government of Cambodia (2008). *Chiến lược Tư giác nhiệm kỳ 2008-2013*. Phnom Penh, Campuchia. (Tài liệu dịch từ tiếng Campuchia).